

HỌC VIỆN NGÂN HÀNG
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



TIỂU LUẬN KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

ĐỀ TÀI: QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊ-NIN VỀ DÂN TỘC VÀ QUAN ĐIỂM, CHÍNH SÁCH DÂN TỘC CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Giảng viên hướng dẫn : Gv. Nguyễn Thế Hùng

Sinh viên thực hiện : Nguyễn Thị Cẩm Như

Lớp : K22LKTD

Mã sinh viên : 22A4060291

Hà Nội, ngày 18 tháng 1 năm 2021

Mục lục

CHƯƠNG I : MỞ ĐẦU	2
1. Tính cấp thiết	2
2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	2
4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu.....	2
5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài	3
CHƯƠNG II : PHÂN LÝ LUẬN.....	3
1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác Lênin về vấn đề dân tộc.....	3
2. Vấn đề dân tộc hiện nay trên thế giới.....	5
3. Quan điểm, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.....	6
4. Vai trò của Đảng cộng sản và Nhà nước Việt Nam trong việc thực hiện chính sách dân tộc trong giai đoạn hiện nay	8
CHƯƠNG III : LIÊN HỆ BẢN THÂN.....	8
1. Về ý thức rèn luyện.....	9
2. Về ý thức tổ chức, kỷ luật, thực hiện tự phê bình và phê bình theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.....	9
Kết luận.....	9
TÀI LIỆU THAM KHẢO	11

CHƯƠNG I : MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết

Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, khi xu hướng liên kết, chia tách quốc gia - dân tộc đã và đang diễn ra mạnh mẽ, khi sự phát triển hài hòa giữa các dân tộc được coi là một trong những động lực cơ bản cho sự phát triển bền vững của các quốc gia, thì việc giải quyết tốt vấn đề dân tộc còn trở thành một nhiệm vụ chiến lược đối với nước ta.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích của đề tài nhằm tìm hiểu về vấn đề dân tộc hiện nay

Làm rõ các các vấn đề dân tộc, lý luận về quan điểm của Mác-Lênin về vấn đề. Nghiên cứu về quan điểm, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Dân tộc

Phạm vi nghiên cứu: Chủ yếu phân tích những điểm mạnh, điểm yếu của công nhân Việt Nam trong thời kỳ cách mạng 4.0. Những giải pháp đề định hướng cho công nhân Việt Nam hiện nay.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lý luận: quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về dân tộc và quan điểm, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Phương pháp nghiên cứu: Đề tài sử dụng phương pháp luận biện chứng duy vật với các phương pháp như: thống nhất logic và lịch sử, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa và hệ thống hóa.

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

Ý nghĩa lý luận:

- Góp phần làm sáng tỏ vấn đề dân tộc trong mọi thời kỳ
- Đưa ra các nội dung cơ bản về chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước
- Cung cấp các thực trạng và phương hướng của vấn đề dân tộc hiện nay

Ý nghĩa thực tiễn: Kết quả nghiên cứu nhằm phân tích những điểm tốt và xấu của vấn đề dân tộc hiện nay. Nhằm giải quyết vấn đề dân tộc, giúp phát triển đất nước trong thời kỳ hội nhập ngày nay.

CHƯƠNG II : PHẦN LÝ LUẬN

1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác Lênin về vấn đề dân tộc

1.1. Khái niệm : Dân tộc được dùng để chỉ một cộng đồng người ổn định làm thành nhân dân một nước có lãnh thổ quốc gia, nền kinh tế thống nhất, quốc ngữ chung, có ý thức về sự thống nhất của mình, gắn bó với nhau bởi những quyền lợi về chính trị, kinh tế, truyền thống, văn hóa, truyền thống đấu tranh chung trong suốt quá trình dựng nước và bảo vệ đất nước.

1.2. Xu hướng phát triển : nghiên cứu về dân tộc và phong trào dân tộc trong chủ nghĩa tư bản. V.I.Lênin đã phân tích và chỉ ra hai xu hướng phát triển có tính khách quan của nó:

Xu hướng thứ nhất: Do sự chín muồi của ý thức dân tộc, sự thức tỉnh về quyền sống của mình, các cộng đồng dân cư muốn tách ra để thành lập các quốc gia dân tộc độc lập. Thực tế này đã diễn ra ở những quốc gia, khu vực có nhiều cộng đồng dân cư với nguồn gốc tộc người khác nhau trong chủ nghĩa tư bản. Xu hướng này biểu hiện thành phong trào đấu tranh chống áp bức dân tộc để tiến tới thành lập các quốc gia dân tộc độc lập và có tác động nổi bật trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa tư bản. Trong xu hướng đó, nhiều cộng đồng dân cư đã ý thức được

rằng, chỉ trong cộng đồng dân tộc độc lập họ mới có quyền quyết định con đường phát triển của dân tộc mình.

Xu hướng thứ hai: Các dân tộc ở từng quốc gia, kể cả các dân tộc ở nhiều quốc gia muốn liên hiệp lại với nhau. Sự phát triển của lực lượng sản xuất, của giao lưu kinh tế, văn hóa trong chủ nghĩa tư bản đã tạo nên mối liên hệ quốc gia và quốc tế mở rộng giữa các dân tộc, xóa bỏ sự biệt lập, khép kín, thúc đẩy các dân tộc xích lại gần nhau.

Trong điều kiện chủ nghĩa đế quốc, sự vận động của hai xu hướng trên gặp rất nhiều khó khăn, trở ngại. Xu hướng các dân tộc xích lại gần nhau trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng bị chủ nghĩa đế quốc phủ nhận, thay vào đó là những khối liên hiệp với sự áp đặt, thống trị của chủ nghĩa đế quốc nhằm áp bức, bóc lột các dân tộc còn nghèo nàn và lạc hậu.

Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga, một thời đại mới đã xuất hiện - thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Đây cũng là sự quá độ lên một xã hội trong đó các quyền tự do, bình đẳng và mối quan hệ đoàn kết, hữu nghị giữa người với người được thực hiện. Giai cấp công nhân hiện đại với sứ mệnh lịch sử của mình, cùng với nhân dân lao động sẽ sáng tạo ra xã hội đó. Khi nghiên cứu về dân tộc, quan hệ dân tộc và những xu hướng phát triển của nó, chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định rằng, chỉ trong điều kiện của chủ nghĩa xã hội, khi tình trạng áp bức giai cấp, tình trạng người bóc lột người bị thủ tiêu thì tình trạng áp bức dân tộc cũng bị xóa bỏ.

Với thắng lợi của cách mạng vô sản, giai cấp công nhân đã trở thành giai cấp cầm quyền tạo tiền đề cho tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng thời cũng mở ra quá trình hình thành và phát triển của dân tộc xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, dân tộc xã hội chủ nghĩa chỉ xuất hiện khi sự cải tạo, xây dựng từng bước cộng đồng dân tộc và các mối quan hệ xã hội, quan hệ dân tộc theo các nguyên lý của chủ nghĩa xã hội khoa học. Đồng thời, dân tộc xã hội chủ nghĩa

cũng chỉ có thể ra đời từ kết quả toàn diện trên mọi lĩnh vực của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội từ kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa - tư tưởng.

2. Vấn đề dân tộc hiện nay trên thế giới

Hiện nay, trước sự tác động của cách mạng khoa học công nghệ, xu thế toàn cầu hoá kinh tế diễn ra mạnh mẽ, làm cho quan hệ giai cấp, dân tộc diễn biến phức tạp, khó lường. Vấn đề dân tộc còn tồn tại lâu dài. Bởi do dân số và trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các dân tộc không đều nhau, do sự khác biệt về lợi ích, do sự khác biệt về ngôn ngữ, văn hoá, tâm lý, do tàn dư tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, tự ti dân tộc, do thiếu sót, hạn chế trong hoạch định, thực thi chính sách kinh tế - xã hội của nhà nước cầm quyền; do sự thống trị, kích động chia rẽ của các thế lực phản động đối với các dân tộc.

Tại châu Phi. Xung đột sắc tộc ở châu Phi có đặc trưng chung là thường xảy ra trong nội bộ một quốc gia đa dân tộc hoặc nhiều bộ tộc. Tại nhiều nước châu Phi, xung đột sắc tộc luôn luôn là vấn đề nhức nhối. Người ta ước tính, ở châu Phi hiện nay có đến gần 1.000 dân tộc, bộ tộc khác nhau. Mỗi một dân tộc có nhiều đặc điểm riêng biệt. Tại đó, ảnh hưởng của chính phủ trung ương chỉ là một phần, còn phần quan trọng hơn là sự chi phối bởi quyền uy và tín nhiệm của những người tộc trưởng của các bộ tộc. Những người lao động của các bộ tộc có bất đồng với nhau hoặc bất đồng với chính phủ trung ương, nếu không có biện pháp tháo gỡ rất dễ gây bùng nổ. Hơn nữa, chủ nghĩa thực dân thống trị trước đây ở khu vực này đã để lại một bản đồ ranh giới giữa các nước rất không rõ ràng. Có khi cùng một dân tộc hoặc cùng một bộ tộc người nhưng lại bị chia cắt ra thành mấy mảnh khác nhau. Từ đó dẫn đến tình trạng là khi chính quyền Nhà nước nằm trong tay của người bộ tộc này, thì người bộ tộc khác không chịu và phản ứng lại. Mâu thuẫn này dễ bùng nổ thành xung đột khi chính quyền của giai cấp tư sản thống trị ở một số nước được lập ra, nhưng không đủ uy tín và sức mạnh,

thiếu một chính sách dân tộc đúng đắn, nên không thể tập hợp và đoàn kết được cả dân tộc.

Tại các nước thuộc Liên Xô trước đây. Sau sự kiện tháng 8-1991, Liên Xô tan rã. Sự tan rã của Liên Xô đã dẫn tới việc hình thành một số quốc gia, quốc gia mới với biết bao vấn đề dân tộc, sắc tộc vốn đã chứa chất lại nảy sinh thêm. Hầu hết các quốc gia mới này đều bao gồm các nhóm sắc tộc và tôn giáo có quan hệ với những cộng đồng người lớn hơn tại các nước láng giềng. Thí dụ Mô-đô-va và Ca-dắc-xtan có 64% người Pô-lơ. Ngay như ở Liên Bang Nga, với 25 triệu người không phải người Nga ở trong 20 khu vực tự trị, cũng là mối đe dọa tiềm tàng về sự phân cách.

Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, hơn 100 dân tộc anh em của Liên Xô trước đây đã chung sức, chung lòng xây dựng một Nhà nước hùng mạnh bậc nhất thế giới. Và trong một thời kỳ hơn nửa thế kỷ, do sự hợp tác phân công lao động, phân bố dân cư theo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước Liên Xô, người Nga, người Ucraina, người Bê-la-rút đã có mặt ở hầu khắp các nước cộng hòa. Như ở Ca-dắc-xtan, số người Nga là 9,5 triệu, gần bằng người ca-dắc. Hiện nay có gần 50 triệu người Nga sống tại các nước Trung Á. Trước đây, việc định cư ở mọi nơi trên dải rộng một phần sáu trái đất là chuyện thường tình, thậm chí còn được khuyến khích. Nhưng nay, khi cộng đồng Liên Xô bị chia cắt, các vấn đề dân tộc được dịp nổi lên. Biểu hiện rõ nhất là diễn ra việc xua đuổi người dân tộc khác, sắc tộc khác ra khỏi nơi cư trú trên đất đai của dân tộc chính gốc. Từ năm 1990 đến nay đã có hơn một triệu người Nga phải rời các vùng đất khác mà họ đã từng sinh sống, gấn bó hàng thập kỷ để về nước Nga.

3. Quan điểm, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Trong các giai đoạn cách mạng, Đảng ta luôn có quan điểm nhất quán : “Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc, tạo mọi điều kiện để các dân tộc phát triển đi lên con đường văn minh, tiến bộ, gấn bó

mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng các dân tộc Việt Nam". Công tác dân tộc ở nước ta hiện nay, Đảng, Nhà nước ta tập trung:

Khắc phục sự cách biệt về trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các dân tộc; nâng cao đời sống đồng bào các dân tộc thiểu số, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá các dân tộc, chống tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, kỳ thị, chia rẽ dân tộc, lợi dụng vấn đề dân tộc để gây mất ổn định chính trị - xã hội, chống phá cách mạng; thực hiện bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng giúp đỡ nhau cùng tiến bộ giữa các dân tộc nhằm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đảm bảo cho tất cả các dân tộc ở Việt Nam đều phát triển, ấm no, hạnh phúc.

Văn kiện Đại hội X chỉ rõ quan điểm, chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước ta hiện nay là: "Vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược lâu dài trong sự nghiệp cách mạng nước ta. Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; cùng nhau thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Phát triển kinh tế, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, xoá đói giảm nghèo, nâng cao trình độ dân trí, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá, tiếng nói, chữ viết và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Thực hiện tốt chiến lược phát triển kinh tế- xã hội ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng căn cứ cách mạng; làm tốt công tác định canh, định cư và xây dựng vùng kinh tế mới. Quy hoạch, phân bổ, sắp xếp lại dân cư, gắn phát triển kinh tế với bảo đảm an ninh, quốc phòng. củng cố và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện chính sách ưu tiên trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, trí thức là người dân tộc thiểu số. Cán bộ công tác ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi phải gần gũi, hiểu phong tục tập quán, tiếng nói của đồng bào dân tộc, làm tốt công tác dân vận. Chống các biểu hiện kỳ thị, hẹp hòi, chia rẽ dân tộc".

4. Vai trò của Đảng cộng sản và Nhà nước Việt Nam trong việc thực hiện chính sách dân tộc trong giai đoạn hiện nay

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng không chỉ là lãnh tụ chính trị, đội tiên phong và đại biểu cho lợi ích của giai cấp, của dân tộc mà còn là lãnh tụ chính trị, đội tiên phong và đại biểu cho lợi ích của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam. Đảng phải vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Người khẳng định: “Muốn cứu nước giải phóng dân tộc không có con đường nào khác - con đường cách mạng vô sản”. Để thực hiện được mục tiêu đó, Người chỉ rõ: “Trước hết phải có Đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với các dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp ở mọi nơi. Đảng có vững, cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thì thuyền mới chạy”. Đảng cộng sản Việt Nam đóng vai trò lãnh đạo nhân dân cùng một lúc phải làm tư sản cách mạng, làm dân tộc cách mạng và làm giai cấp cách mạng. Đây là đặc điểm nổi bật nhất của cách mạng vô sản ở Việt Nam do Đảng lãnh đạo và cũng là một đặc điểm của sứ mệnh lịch sử của Đảng đối với vấn đề dân tộc và xã hội Việt Nam.

Vai trò lãnh đạo của Đảng ta được Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ trong Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt, Điều lệ vắn tắt và Lời kêu gọi của Đảng khi Đảng mới thành lập, đó là: “Chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”;... “Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến”;... Làm cho nước Việt Nam được độc lập;... giải phóng công nhân và nông dân thoát khỏi ách tư bản; mở mang công nghiệp và nông nghiệp;... đem lại mọi quyền lợi tự do cho nhân dân.

CHƯƠNG III : LIÊN HỆ BẢN THÂN

Để góp phần xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc :

1. Về ý thức rèn luyện

Tu dưỡng đạo đức thường xuyên: luôn luôn gương mẫu rèn luyện phẩm chất tư cách, làm tròn nhiệm vụ được Đảng và chính quyền giao phó. Sống cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, hòa nhã thân ái với mọi người, hết lòng vì nhân dân phục vụ. Tự rèn luyện trau dồi phẩm chất đạo đức, lối sống, tác phong của người Đảng viên.

Tu dưỡng đạo đức thường xuyên, luôn cập nhật thông tin trên mọi thông tin đại chúng để chất lọc, tìm kiếm những tấm gương đạo đức tốt để học hỏi.

Thăng tiến, trung thực bảo vệ công lý, bảo vệ đường lối, quan điểm của Đảng, bảo vệ người tốt; Chân thành, khiêm tốn, không chạy theo chủ nghĩa thành tích, không bao che, giấu khuyết điểm.

Luôn có ý thức giữ gìn đoàn kết cơ quan đơn vị. Luôn nêu gương trước đảng viên quần chúng. Nêu cao ý thức trách nhiệm công việc.

Về ý thức trách nhiệm tâm huyết với công việc nghề nghiệp : luôn tham gia các hoạt động chuyên môn của nhà trường cũng như của Ngành. Thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

2. Về ý thức tổ chức, kỷ luật, thực hiện tự phê bình và phê bình theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh

Bản thân tôi tự luôn đặt mình trong tổ chức, trong tập thể, phải tôn trọng nguyên tắc, pháp luật, không kéo bè kéo cánh để làm rối loạn gây mất đoàn kết nội bộ.

Luôn có ý thức coi trọng tự phê bình và phê bình. Luôn phê phán những biểu hiện xuất phát từ những động cơ cá nhân. Luôn động viên những người thân trong gia đình giữ gìn đạo đức, lối sống, xây dựng gia đình văn hoá.

Kết luận

Do đặc điểm, điều kiện cụ thể mang tính chất lịch sử, chính trị, xã hội từ nhiều năm trước, vấn đề dân tộc ở các quốc gia nói chung, ở Việt Nam nói riêng

không thể giải quyết trọn vẹn trong một sớm, một chiều. Tuy nhiên, với các quan điểm, chủ trương, chính sách đúng đắn, việc giải quyết vấn đề dân tộc ở nước ta có được sự đồng thuận, quyết tâm cao giữa Đảng, Nhà nước và đồng bào các dân tộc. Quá trình thực hiện các chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta những năm qua mặc dù ở trong điều kiện còn rất nhiều khó khăn, phức tạp, thách thức song đã đạt được những thành quả rất đáng khích lệ, tạo ra được một nền tảng cơ bản để công tác dân tộc ngày càng được thực hiện có hiệu quả cao hơn, toàn diện hơn. Thực tế đó đã và đang là một đảm bảo vững chắc để ngăn ngừa và đập tan các âm mưu, thủ đoạn xuyên tạc của các thế lực thù địch, chống phá đường lối dân tộc của Đảng và Nhà nước ta; chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1.ĐCSVN - Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb CTQG, H. 2006, tr. 121.
- 2.Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 9, Nxb CTQG, H.1995, tr.314.
- 3.Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 2, Nxb CTQG, H.1995, tr.267 - 268